

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THÁP MƯỜI  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/DS-ST  
Ngày 24/02/2020  
“V/v tranh chấp hợp đồng dân sự về  
vay tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thời.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Vững.
2. Ông Đào Văn Hiến.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Ngọc Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa:*** Ông Huỳnh Văn Sáng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và 24/02/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 552/2019/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2019, về việc: “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-DS ngày 04/02/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2020/QĐST-DS ngày 14/02/2020, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Nguyễn Thị C, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp 5, xã K, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Trần Văn H, sinh năm: 1987, trú tại ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị C (Giấy ủy quyền ngày 05/8/2019, chứng thực số: 138, quyền số: 01/2019-SCT/CK,ĐC của Ủy ban nhân dân xã K).

**2. Bị đơn:** Huỳnh Thị P, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp 5, xã K, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Dương Nhật Đ, sinh năm: 1987, trú tại địa chỉ ấp 5, xã K, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. là người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị P (Giấy ủy quyền ngày 01/11/2019, chứng thực số: 768, quyền số: 01/2019-SCT/CK,ĐC của Ủy ban nhân dân thị trấn A).

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Lý Văn B, sinh năm 1972.

3.2. Bùi Ngọc Huỳnh N, sinh năm 1992.

Cùng địa chỉ: Địa chỉ: Ấp 5, xã K, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Có mặt: Anh Trần Văn H, anh Dương Nhật Đ, chị Bùi Ngọc Huỳnh N;

Vắng mặt: Ông Lý Văn B có đơn xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 06/8/2019, bà Nguyễn Thị C trình bày:

Vào ngày 13/7/2018 (âm lịch) bà Huỳnh Thị P có đến nhà bà C để vay số tiền là: 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận. Sau đó, bà P không có trả cho bà C trong khi đó bà C có đòi nhiều lần. Tiền lãi tính từ ngày 13/7/2018 (âm lịch) đến ngày 06/7/2019 (âm lịch) tạm tính là 11,5 tháng x 1.67%/tháng x 50.000.000đ = 9.602.000đ.

Nay, bà Nguyễn Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Huỳnh Thị P trả cho bà C số tiền gốc là: 50.000.000đ và tiền lãi là 9.602.000đ. Tổng cộng gốc và lãi là 59.602.000đ (Năm mươi chín triệu sáu trăm linh hai nghìn đồng).

Về tài liệu, chứng cứ nguyên đơn nộp: Biên nhận ngày 13/7/2018 âm lịch và một USB có ghi âm cuộc nói chuyện ngày 02/8/2019 giữa bà C với bà P.

- Bà Huỳnh Thị P, trình bày: Trước đây vợ chồng bà có quen biết với gia đình bà Nguyễn Thị C. Trong thời gian này chồng bà có đến mượn tiền của gia đình bà C không biết, chỉ biết khi con bà C tên Bùi Ngọc Huỳnh N làm đơn kiện anh B chồng bà yêu cầu trả số tiền 200.000.000đ và lãi 35.070.000đ.

Nay bà C làm đơn kiện yêu cầu bà trả số tiền vốn là 50.000.000đ và lãi từ ngày 13/7/2018 âm lịch đến ngày 06/7/2019 âm lịch là 9.602.000đ bà không đồng ý.

- Lời khai ngày 19/11/2019, chị Bùi Ngọc Huỳnh N trình bày: Chị là con bà C, sống chung nhà với bà C, số tiền mà chị kiện ông B là của gia đình, chị đứng ra làm biên nhận cho vay. Chỉ mình ông B ký biên nhận nhưng là nợ chung của hai vợ chồng ông. Ông B lên nhà hỏi vay nhưng do bà P không biết chữ nên chỉ có mình ông B ký tên.

- Lời khai ngày 12/02/2020, ông Lý Văn B trình bày: Ông có vay của bà C nhiều lần không nhớ, tổng số tiền khoảng hơn 500.000.000đ là vốn lãi trong đó. Tiền lãi lúc vay 4.000đ/triệu/ngày, sau đó có xin bà C bớt nhưng bà C chỉ đồng ý là 3.000đ/triệu/ngày. Lần cuối ông vay của bà C 200.000.000đ có đóng lãi đầy đủ. Ông nghĩ chị N và bà C là mẹ con nên ai kiện cũng vậy, ông có nợ nên đồng ý trả. Ông không biết số tiền 50.000.000đ mà bà C kiện vợ ông là tiền gì. Vợ

chồng ông có vay tiền của bà C để làm ăn nhưng biên nhận thì chỉ mình ông ký tên. Số tiền mà vợ ông hứa trả dần là số tiền 200.000.000đ mà vợ chồng ông có vay cùng với lãi chứ không phải số tiền nào khác nữa.

***Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa:***

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa hành tốt pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án nên không kiến nghị.

Những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Bác yêu cầu của bà C yêu cầu bà trả tiền vay 50.000.000đ và lãi 9.602.000đ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### ***[1] Về thủ tục tố tụng:***

- *Về tư cách đương sự:* Theo đơn khởi kiện, bà C chỉ yêu cầu bà P trả nợ. Nhưng qua xem xét các chứng cứ trong hồ sơ, Tòa án ra Thông báo đưa ông Lý Văn B (chồng bà P) và chị Bùi Ngọc Huỳnh N (con bà C) vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tại phiên tòa, ông A có đơn xin vắng mặt. Áp dụng khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

- *Về chấp hành pháp luật:* Từ khi thụ lý đến mở phiên tòa các đương sự chấp hành nghiêm các qui định pháp luật. Nhưng bà P và ông B tòa án triệu tập nhiều lần không đến là chưa chấp hành nghiêm pháp luật.

- *Về quan hệ pháp luật:* Theo đơn khởi kiện, bà C cho rằng có cho bà P vay 50.000.000đ, lãi theo thỏa thuận, bà đòi nhiều lần nhưng bà P không trả. Nay, bà khởi kiện yêu cầu bà P trả vốn và lãi. Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- *Về thẩm quyền:* Theo khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

#### ***[2] Về nội dung:***

Tại phiên tòa, anh Trần Văn H đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị C yêu cầu bà Huỳnh Thị P trả vốn 50.000.000đ và lãi từ ngày 13/7/2018 âm lịch đến ngày 06/7/2019 âm lịch là 9.602.000đ và chứng cứ kèm theo là biên nhận ngày 13/7/2018 âm lịch, chữ viết trong biên nhận là bà C viết, bà P có gạch thập nhưng bà P không thừa nhận có gạch thập, bà C không yêu cầu giám định dấu gạch thập. Chứng cứ một USB có ghi âm cuộc nói chuyện ngày 02/8/2019 giữa

bà C với bà P. Anh H cho rằng trong đoạn ghi âm bà P có thừa nhận có nợ tổng cộng 250.000.000đ gồm ông B chồng bà P nợ chị N con bà C vốn 200.000.000đ và bà P nợ bà C 50.000.000đ. Đây là hai mối quan hệ: Mối quan hệ ông B vay tiền của chị N 200.000.000đ và mối quan hệ bà C cho bà P vay 50.000.000đ. Anh H còn xác định: Tại thời điểm ông B vay tiền của chị N thì bà P với ông B còn quan hệ vợ chồng, vay tiền để làm ăn mua bán. Bà P vay tiền của bà C thời điểm này bà P với ông B vẫn là vợ chồng, bà P vay tiền cũng làm ăn. Tiền ông B vay ký biên nhận nợ chị N là tiền của bà C. Chị N đã kiện ông B đòi vốn 200.000.000đ và tiền lãi 35.070.000đ nhưng khi hòa giải có bớt ½ số tiền lãi nên ông B phải trả chị N vốn 200.000.000đ và lãi 17.500.000đ.

Tại phiên tòa, anh Dương Nhật Đ là đại diện theo ủy quyền của bà P không thừa nhận bà P có vay riêng của bà 50.000.000đ, dấu gạch thập trong biên nhận bà C xuất trình không phải của bà P. Trong đoạn ghi âm bà C nêu nợ 250.000.000đ là khoản nợ của chồng bà P vay của bà C vốn 200.000.000đ, lãi 50.000.000đ nhưng ký tên biên nhận ghi nợ chị N, đã được Tòa án giải quyết xong. Bà P không nợ tiền của bà C nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà C.

Tại lời khai ngày 12/02/2020, ông B bà P đều xác định vợ chồng vay chung tiền của bà C nhưng biên nhận thì ông B ký tên, được Tòa án Huyện giải quyết xong, còn 50.000.000đ mà bà C đi yêu cầu trả là tiền lãi của 200.000.000đ.

Theo lời khai bà Nguyễn Thị C ngày 19/11/2019, bà cho rằng trong đoạn ghi âm bà nói bà P nợ tổng cộng 250.000.000đ gồm có ông B nợ N 200.000.000đ, bà P nợ bà 50.000.000đ. Ông B ký biên nhận nợ N 200.000.000đ là tiền của bà.

Tại phiên tòa, chị N cho rằng: Số tiền 200.000.000đ mà ông B ký tên biên nhận nợ là tiền của mẹ chị để cho chị đứng tên. Ông B vay tiền để làm ăn chung gia đình.

Từ những cơ sở nêu trên, Hội đồng xét xử xác định trong đoạn ghi âm bà C có nêu tổng cộng nợ 250.000.000đ là một mối quan hệ vay tài sản và cùng đối tượng cho vay và cho vay đó là: Tiền cho vay là của bà C, ông B bà P cùng vay tiền để làm ăn chung gia đình. Mối quan hệ vay đã được giải quyết xong theo Quyết định số 139 ngày 14/11/2019 nên yêu cầu của bà C yêu cầu bà P trả vốn 50.000.000đ và lãi 9.602.000đ là không căn cứ chấp nhận.

Xét thấy, ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

**[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Bà Chính phải nộp 2.980.000đ (50.000.000đ + 9.602.000đ x 5%).

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Bác yêu cầu bà Nguyễn Thị C yêu cầu bà Huỳnh Thị P trả vốn 50.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 13/7/2018 (âm lịch) đến ngày 06/7/2019 (âm lịch) tạm tính là  $11,5 \text{ tháng} \times 1,67\%/\text{tháng} \times 50.000.000\text{đ} = 9.602.000\text{đ}$ .

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.980.000đ (Hai triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.491.000đ (Một triệu bốn trăm chín mươi một nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002613 ngày 19/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười; Bà Nguyễn Thị C còn phải nộp 1.489.000đ (Một triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Ông B vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- VKSND Huyện;
- Chi cục THADS Huyện;
- Đương sự;
- Lưu HSVA (Trang).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Thời**